

Số: 17/2023/QĐST-DS

Ia Grai, ngày 02 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: T, phường T, quận A, thành phố H.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn An S, sinh năm 1994; địa chỉ: P, phường P, thành phố P, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Lê Quang B, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D phải trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền 2.791.770.311 (hai tỷ bảy trăm chín mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười một) đồng, trong đó tiền gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, tiền lãi trong hạn 136.713.267 (một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn 626.519.178 (sáu trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám) đồng và tiền lãi chậm trả là 28.537.866 (hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

Thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 25/8/2023.

Kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận là 15,225%/năm và tiền lãi chậm

trả lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm. Trường hợp Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D phải tiếp tục thanh toán cho Công ty theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.2. Trường hợp ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần Đ có quyền xử lý tài sản tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 11206/18MN/HĐBĐ ngày 22/6/2018 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 11206/18MN/HĐBĐ/PL01 ngày 08/5/2019, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền thửa đất số 40, thuộc tờ bản đồ số 65, tại xã I, huyện I, tỉnh G; được UBND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 525952, ngày 11/12/2013 cho người sử dụng ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền thửa đất số 36a, thuộc tờ bản đồ số 65, tại xã I, huyện I, tỉnh G; được UBND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 192153, ngày 02/7/2009 cho người sử dụng ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền thửa đất số 220, thuộc tờ bản đồ số 154, tại xã thôn C, tại xã I, huyện I, tỉnh G; được UBND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 047889, ngày 17/11/2009 cho người sử dụng ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D phải trả lại cho Công ty cổ phần Đ số tiền đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty cổ phần Đ cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án với mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.4. Về án phí: Ông Lê Quang B và bà Ngô Thị D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.917.703 (bốn mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn bảy trăm linh ba) đồng.

Trả lại cho Công ty cổ phần Đ số tiền 42.444.505 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm linh năm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008832 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Huy